

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NINH KIỀU  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 90/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến Nhi

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị Kim Luyến

2. Ông Đinh Quyết Thắng

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 613/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 675/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Hòa B** sinh năm 1961 (*có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

ĐKTT: Số 126A đường Đ, P. A, Q. N, TP. CT.

Chỗ ở hiện nay: số 77 phố T, phường Đ, quận H, TP. N.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Kim H** sinh năm 1959 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 126A đường Đ, P. A, Q. N, TP. CT.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Phạm Hòa B trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà H tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn, vào ngày 20/02/1989 Ủy ban nhân dân phường A, Q. N, TP. CT cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được một thời gian dài, nhưng đến trước năm 2014 ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2014, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bà H nghi ngờ ông có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, ghen vô cớ, làm ảnh hưởng danh dự, nhân phẩm của ông và ảnh hưởng đến công

việc của ông. Ông vẫn có trách nhiệm với vợ con, năm 2016 bà H bị bệnh thận ông vẫn lo chi phí cho bà H trị bệnh, ông vẫn tới lui chăm sóc cho bà H nhưng do công việc của ông ở N, cách CT nên không chăm sóc được nhiều như bà H mong muốn. Sau nhiều lần tìm các biện pháp để hàn gắn nhằm duy trì quan hệ hôn nhân nhưng không đạt được kết quả như mong muốn. Ông bà đã sống ly thân từ ngày 01/10/2014 đến nay. Hiện nay ông xác định ông không còn tình cảm với bà H. Nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Kim H.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, ông và bà H có 01 con chung tên Phạm Ngọc HL (nữ), sinh ngày 27/6/1991 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong quá trình giải quyết tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Kim H trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà thống nhất với lời trình bày của ông B về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn. Thống nhất về thời gian mâu thuẫn từ năm 2014. Bà thừa nhận giữa bà và ông B đã xảy ra mâu thuẫn từ trước năm 2014 và ông bà đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Năm 2016 bà bị bệnh ông H có lo chi phí trị bệnh thận cho bà nhưng thời gian chăm sóc cho bà không nhiều. Bà cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Ngoài ra, vào năm 1992 ông B có ghen vô cớ bà với Thầy của bà, đến năm 2014 ông B nhắc lại mối quan hệ giữa bà và Thầy bà nên mâu thuẫn giữa ông bà ngày càng trầm trọng. Nhưng nay ông B yêu cầu ly hôn bà không đồng ý ly hôn, bà cho rằng bà còn thương yêu chồng, muốn con được hạnh phúc trọn vẹn.

- *Về con chung*: Bà thống nhất với lời trình bày của ông B về con chung. Ông bà có 01 con chung tên Phạm Ngọc HL (nữ), sinh ngày 27/6/1991 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì thêm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

### ***1/Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:***

Ông Phạm Hòa B và bà Nguyễn Kim H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Q. N, TP. CT nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh. Quá trình chung sống, ông B và bà H phát sinh mâu thuẫn và ông B có đơn khởi kiện nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn*”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### ***2/Về thủ tục tố tụng:***

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### ***3/Về nội dung:***

- *Xét về quan hệ hôn nhân:* Ông B và bà H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 20/02/1989, ông bà sống hạnh phúc một thời gian dài đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông bà trình bày là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc, không có sự tin tưởng lẫn nhau, mất niềm tin với nhau nên làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và tổn thương nhau. Mặt khác, ông bà thừa nhận đã sống ly thân nhau từ năm 2014 nên không có sự quan tâm chăm sóc với nhau nhiều.

Mặt khác, Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian gian từ năm 2019 đến ngày xét xử đã gần 02 năm, để bà H và ông B có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng theo Đơn yêu cầu sớm đưa vụ án ra xét xử đề ngày 01/5/2021 của ông B gửi cho Tòa án đề nghị sớm giải quyết vụ án, ông bà đã ly thân gần 07 năm ông vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Từ đó, cho thấy ông B và bà H không thể hàn gắn tình cảm với nhau. Và lại ông xác định ông không còn tình cảm với bà H. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng không thể hàn gắn được, hôn nhân trên thực tế đã chấm dứt từ năm 2014. Nhận thấy, tình trạng vợ chồng giữa ông B và bà H đã rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho ông bà. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Phạm Hòa B.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống ông Phạm Hòa B và bà Nguyễn Kim H có 01 con chung là Phạm Ngọc HL (nữ), sinh ngày 27/6/1991, do con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Ông B và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về nợ chung*: Ông B và bà H khai không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn ông Phạm Hòa B phải chịu 300.000 đồng nhưng ông được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông B đã nộp xong án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hòa B.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Phạm Hòa B được ly hôn với bà Nguyễn Kim H.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là Phạm Ngọc HL (nữ), sinh ngày 27/6/1991 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Ông Phạm Hòa B và bà Nguyễn Kim H đã tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn ông Phạm Hòa B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001972 ngày 10/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí. Ông Bình đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án*

*hoặc bản án được niêm yết)* để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**\*Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân P. A, Q. N, TP. CT.
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Thị Yến Nhi**